

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 860/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 -7- 2022
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, THÀNH PHỐ H**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm
2. Bà Lê Thị Khanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Thành phố H tham gia phiên Tòa:
Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1047/2020/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thanh P, sinh năm 1980

Địa chỉ: 51/1V ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố H (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1974

Địa chỉ: 33/1A1 tổ 7, ấp 3, xã X, huyện H, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phạm Thị Thanh P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh T tự nguyện kết hôn năm 2004, Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2004, do Ủy ban nhân xã X, huyện H, Thành phố H cấp ngày 16/3/2004. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của bà P tại địa chỉ 51/1 ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố H. Quá trình chung sống, do khó khăn về kinh tế nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, từ giữa tháng 4/2014 ông T đã bỏ đi, để lại một mình bà nuôi 02 con. Đầu năm 2019, bà có nộp đơn ly hôn, sau đó rút đơn để có thời gian suy nghĩ, nay bà nhận thấy đã 07 năm ông T không quan tâm đến gia

đình, bà cũng không còn tình cảm với ông T. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng C, sinh ngày 17/11/2007 và Nguyễn Ngọc Thanh L, sinh ngày 24/10/2009. Khi ly hôn bà P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung vì từ trước đến nay hai con đều sống với bà, ông T không phụ giúp gì, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi 02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông T không đến để tự khai, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Ông Nguyễn Minh T vắng mặt.

Bà Phạm Thị Thanh P trình bày: Bà vẫn cương quyết yêu cầu được ly hôn với ông T vì cả hai không còn chung sống đã lâu, ông T cũng không quan tâm đến vợ, con. Do đó, bà thấy không có cơ hội để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng C, sinh ngày 17/11/2007 và Nguyễn Ngọc Thanh L, sinh ngày 24/10/2009, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà P khai không có.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý và tại phiên tòa. Tuy nhiên, còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng việc vi phạm trên không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện, đầy đủ và chính xác khi giải quyết vụ án, nên Viện kiểm sát chỉ kiến nghị để Tòa án rút kinh nghiệm. Các đương sự đã được bảo đảm thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của Nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày và tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: bà Phạm Thị Thanh P yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Minh T; ông T đang cư trú tại huyện H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự,

xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố H.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: ông Nguyễn Minh T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, kèm các Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ bản sao giấy chứng nhận kết hôn số 24, Quyền số 01/2004 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện H cấp ngày 16/3/2004 thì có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp. Nay bà P yêu cầu được ly hôn vì quá trình chung sống không hạnh phúc, ông T đã dọn ra ngoài không chung sống với bà và 02 con từ năm 2014 đến nay, không quan tâm đến gia đình.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình, có nghĩa vụ sống chung với nhau, tuy nhiên ông T đã không còn quan tâm đến gia đình và dọn ra ngoài sống một thời gian dài, bên cạnh đó từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử ông T không đến Tòa án để tự khai, hòa giải, xét xử và cũng không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với việc bà P xin ly hôn, chứng tỏ ông T không quan tâm đến hạnh phúc gia đình và cũng không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, nên có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của bà P là được ly hôn với ông T để ổn định cuộc sống.

[2.2] Về con chung: Theo lời trình bày của bà P thì quá trình chung sống bà và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Trọng C, sinh ngày 17/11/2007 và Nguyễn Ngọc Thanh L, sinh ngày 24/10/2009. Khi ly hôn, nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng. Tòa án đã lấy ý kiến của 02 trẻ Trọng C và Thanh L, cả hai đều có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Xét yêu cầu của nguyên đơn xin trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp với nguyện vọng của trẻ, không làm ảnh hưởng đến sinh hoạt, học tập của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Minh T do bà P không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này ông Nguyễn Minh T có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[3] Nội dung phát biểu ý kiến tại phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thị Thanh P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Minh T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Trọng C, sinh ngày 17/11/2007 và Nguyễn Ngọc Thanh L, sinh ngày 24/10/2009. Giao 02 con chung là Nguyễn Trọng C và Nguyễn Ngọc Thanh L cho bà Phạm Thị Thanh P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Nguyễn Minh T do bà P không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà P cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 84 luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà P khai không có nên không xem xét. Nếu sau này ông Nguyễn Minh T có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Thanh P phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí do bà P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0076478 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện H, TP. H;
- Chi cục THADS huyện H, TP. H;
- UBND xã X, huyện H;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Oanh